

**BÁO CÁO**

V/v Nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế Quý I/2019 so Quý I/2018

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ mục a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang báo cáo kết quả kinh doanh quý I/2019 như sau:

TT	Chi tiêu	Đvt	Quý I/2018	Quý I/2019	So sánh	
					Quý I/2019 so Quý I/2018	
					Tỷ lệ (%)	Giá trị
1	Sản lượng tiêu thụ					
1.1	Gạo	tấn	96.132,35	50.214,85	52,24	(45.917,50)
a	Xuất khẩu	tấn	67.459,92	36.819,63	54,58	(30.640,29)
	+ Thành phẩm	tấn	67.459,92	36.819,63	54,58	(30.640,29)
b	Nội địa	tấn	28.672,43	13.395,22	46,72	(15.277,21)
	+ Thành phẩm	tấn	26.690,70	11.286,86	42,29	(15.403,84)
	+ Phụ phẩm	tấn	1.981,73	2.108,36	106,39	126,63
1.2	Xăng dầu	m3	6.923,05	7.008,10	101,23	85,05
1.3	Cá cơm các loại	tấn	92,19	41,36	44,87	(50,82)
	+ Xuất khẩu	tấn	70,66	32,16	45,51	(38,50)
	+ Nội địa	tấn	21,53	9,20	42,75	(12,32)
2	Doanh thu thuần	tr.đ	1.211.220	658.202	54,34	(553.018)
3	Giá vốn hàng bán	"	1.089.494	615.203	56,47	(474.291)
4	Lãi gộp	"	121.725	42.999	35,32	(78.727)
5	DT hoạt động TC	"	2.752	1.372	49,86	(1.380)
6	CP tài chính, trong đó:	"	17.156	10.733	62,56	(6.423)
	- CP lãi vay	"	10.377	8.945	86,20	(1.432)
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	171,47	197,72	115,31	26
7	CP bán hàng	"	60.588	22.735	37,52	(37.854)
	Trong đó:					0
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	615,95	404,19	65,62	(212)
8	CP Quản lý	tr.đ	20.842	8.243	39,55	(12.599)
	Trong đó:					0
	+ Đơn giá CP ngành Lương thực	đ/kg	95,84	95,84	100,00	0
9	LN thuần từ HĐKD	"	25.891	2.660	10,27	(23.231)
10	Thu nhập khác	"	72	2.941	4.080,74	2.869
11	Chi phí khác	"	86	507	592,26	422
12	Lợi nhuận khác	"	(14)	2.434	(17.876)	2.447
13	Tổng LN trước thuế	"	25.877	5.093	19,68	(20.784)
14	Chi phí thuế TNDN	"	5.175	1.019	19,68	(4.157)
15	LN sau thuế TNDN	"	20.702	4.075	19,68	(16.627)



**Thuyết minh:**

Đánh giá chung: Lợi nhuận sau thuế quý I/2019 lãi 4,075 tỷ đồng, giảm 80,32% (mức giảm 16,627 tỷ đồng) so Quý I/2018. Nguyên nhân lợi nhuận quý I/2019 giảm so cùng kỳ chủ yếu do:

1. Sản lượng gạo bán ra quý I/2019 là 50.215 tấn gạo các loại, giảm 47,76% so cùng kỳ (mức giảm 45.918 tấn), trong đó nhu cầu sản lượng gạo thơm giảm 35,58% so cùng kỳ (mức giảm 22.529 tấn), trong khi lợi nhuận của Công ty từ gạo thơm là chủ yếu.

2. Thị trường gạo xuất khẩu Quý 01/2019 khó khăn, cụ thể: (i) Nhu cầu gạo rất yếu, (ii) Sự cạnh tranh giành khách hàng của các Nhà xuất khẩu đẩy giá giao dịch xuống rất thấp để bán được hàng, (iii) Một số thị trường tập trung của Việt Nam chưa có kế hoạch mua trong Quý 01/2019.

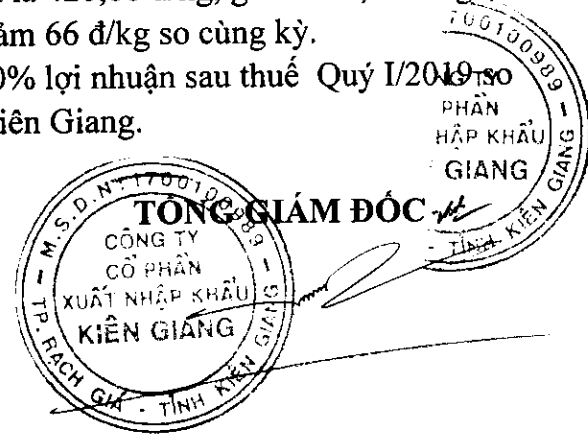
3. Công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh của công ty được kiểm soát tốt hơn, cụ thể: tổng đơn giá chi phí sản xuất kinh doanh của ngành lương thực giảm 234,84 đ/kg so cùng kỳ, trong đó chi phí bán hàng thực hiện là 420,86 đ/kg, giảm 195,10 đ/kg so cùng kỳ; chi phí quản lý thực hiện là 134,96 đ/kg, giảm 66 đ/kg so cùng kỳ.

Trên đây là báo cáo nguyên nhân giảm trên 10% lợi nhuận sau thuế Quý I/2019 so Quý I/2018 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.



*Dương Thị Loanh Nguyệt*